

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày 27 – 4 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2022/TLPT-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1930. Địa chỉ: Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn H: Ông Lê Minh C, sinh năm 1965. Địa chỉ: số 215, đường Nguyễn Du, Phường 5, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Lài là Luật sư Văn phòng luật sư Minh Lý – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Mai Thanh N, sinh năm 1958

2. Bà Lý Thị Thanh H, sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Kim H1: Ông Mai Thanh N, sinh năm 1958 (có mặt).

3. Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1955

4. Bà Huỳnh Cẩm H2, sinh năm 1958

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Cẩm H2: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Thanh B, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

3. Chị Lê Ngọc V, sinh năm 1987

4. Chị Lê Diệu V1, sinh năm 1997

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Ngọc V và chị Lê Diệu V1: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1955. Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Anh Mai Công H4, sinh năm 1987

6. Chị Mai Trúc P, sinh năm 1989

Người đại diện theo ủy quyền của anh Mai Công H4 và chị Mai Trúc P: Ông Mai Thanh N, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

7. Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1973

8. Chị Lưu Thị Ngọc H5, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

9. Anh Văn Thanh M, sinh năm 1970

10. Chị Huỳnh Hồng T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp Bửu II, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn Đ, chị Lưu Thị Ngọc H5, anh Văn Thanh M, chị Huỳnh Hồng T: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

11. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh Trực - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

12. Ủy ban nhân dân phường L, thị xã G.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Công chức Tư pháp (có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số 215, đường Nguyễn Du, Phường 5, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Văn H có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông H mua của ông Trần Hữu S và bà Trần Thị N (hiện nay không rõ địa chỉ) với diện tích 3.600m², khi mua có làm giấy tờ, trên đất có nhà làm bằng cây lá địa phương, cây trái, hoa màu; ông H ở sử dụng nhà năm 1977 đến năm 1979 thì Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường L) thành lập tập đoàn sản xuất tên là Tập Đoàn 2, nên đưa phần đất 3.600m² của ông H vào tập đoàn, không có bồi thường, không có quyết định thu hồi đất, phần đất này Tập đoàn giao lại cho ông Huỳnh Văn D trực tiếp quản lý, sản xuất. Năm 1984 Tập đoàn 2 bị giải thể trả đất lại cho dân. Năm 1985, ông H quản lý lại phần đất, cuối năm 1986 ủy ban nhân dân xã P, trong đó có ông Trương Thanh B là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cùng với một đoàn cán bộ huyện đến lấy toàn bộ đất của ông H chia cho 7 ông cán bộ, việc lấy đất cũng không có quyết định thu hồi và cũng không bồi thường, trong phần đất của ông H thì ông Bạch chiếm 2.300m², ông Nguyễn chiếm 1.300m². Ông H có khiếu nại ở Ủy ban xã, nên Ủy ban xã mới lấy phần đất của ông Mã Mậu C giao cho ông H để sản xuất, trồng lúa. Đến năm 1988, gia đình ông Mã Mậu C khiếu nại quyết liệt nên Ủy ban mới lấy đất mà ông H đang canh tác trả lại cho ông Mã Mậu C, sau đó ông H mới khiếu nại đòi lại phần đất của ông H do ông B và ông N chiếm giữ, trong thời gian đang khiếu nại thì ông Bạch chuyển nhượng đất cho ông Đời, Ủy ban có mời ông B và ông N, khi làm việc thì có làm biên bản nhưng Ủy ban không cung cấp, lúc đó Chủ tịch là ông Châu Hồng S, do phía ông B và ông N không hợp tác nên việc giải quyết khiếu nại kéo dài. Năm 2009, Ủy ban xã chuyển hồ sơ lên cấp huyện giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 03/10/2013, do không bằng lòng với quyết định này nên ông H khởi kiện hành chính đối với Quyết định 4467, trong thời gian Tòa đang giải quyết thì Ủy ban hành Quyết định 864/QĐ-UBND ngày 20/03/2014 điều chỉnh Quyết định 4467, tiếp theo đó ông H khởi kiện hành chính Quyết định 864, trong thời gian Tòa đang giải quyết thì ngày 29/12/2015 Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định 2219/QĐ-UBND để thu hồi, hủy bỏ quyết định 864, do đối tượng khởi kiện hành chính không còn nên ông H tiếp tục khởi kiện dân sự. Nay yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông N cùng gia đình trả lại phần đất 1.300 m², yêu cầu ông Đ trả 2.300 m².

Bị đơn ông Mai Thanh N trình bày: Phần đất ông đang quản lý sử dụng tại thửa 73 và 74 có tổng diện tích là 2182,1m² do ông mua của ông Huỳnh Văn D vào tháng 3/1986, khi mua không có giấy tờ, có nhân chứng là ông Trần Hoàng A ở khóm 2, phường Láng Tròn chứng kiến ông giao tiền cho ông D. Khi mua đã lên nền trồng có sẵn, có ranh giới rõ ràng, không có cây cối hay nhà cửa

gì. Năm 1987, ông cất nhà cây lá địa phương, khi cất nhà thì không có ai ngăn cản, đến năm 2008 thì cất nhà kiên cố cũng không ai ngăn cản. Phía nguyên đơn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu đo đạc nhưng nhiều lần không chỉ ranh được, vì họ không xác định đất của mình ở đâu. Ông H bắt đầu yêu cầu đòi đất vào năm 2008, còn trước đó không có yêu cầu.

Bị đơn ông Lê Thanh Đ trình bày: Phần đất ông đang quản lý, sử dụng do ông sang của ông Trương Thanh B vào năm 1985, giá 100 gia lúa, khi sang đất có nền sẵn, nói là 2 công nhưng không biết diện tích cụ thể, không có nhà cửa, có mấy cây dừa non. Năm 1986, ông cất nhà cây lá địa phương, năm 2013 ông cất nhà kiên cố và quán nhậu không ai ngăn cản. Trong phần đất 2167,8m², ông Đ đã sang cho 2 người là Văn Thanh M và Trương Văn Đ mỗi người 5m ngang, dài 30m. Ông đã quản lý đất năm 1985 đến đến năm 2017 mới phát sinh tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân thị xã G trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Việc trước đây Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường L) thu hồi đất của ông H để cấp đổi, trang trải đất đai cho những hộ dân không có đất thì Ủy ban nhân dân phường L hiện nay không thấy và không biết quyết định đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh B trình bày: Năm 1976 hoặc 1977, không nhớ rõ, Ủy ban nhân dân xã P do ông Mai Chí T làm bí thư, chủ tịch xã. Ủy ban thu hồi đất, sau đó giao cho Tập Đoàn 2 cấp đất cho ông 2.000 m². Đất đó của ông Trương Văn H, lý do thu hồi của ông H vì phần đất của ông H nằm trong quy hoạch. Lúc đó ông H không phản đối, ông H nhận phần đất của ông Mã Mậu C 2.000 m² để gieo mạ, cấy đất lảng. Sau khi được cấp ông đào hết chu vi 2.000m², đắp nền nhà, trồng cây 02 bên (trồng dừa, so đũa), sau đó huyện ủy rút ông làm bí thư xã P (bây giờ là xã Phong T), Ủy ban cấp lại cho ông Đ nên ông yêu cầu trả lại công đắp nền và trồng cây là 100 dạ lúa, không có việc sang bán vì thời điểm đó cấm dân bán đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H3 trình bày: Bà là vợ ông Trần Thanh B, bà thống nhất lời trình bày của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hồng T, ông Văn Thanh M trình bày: Vợ chồng bà có mua đất của ông Lê Thanh Đ thuộc Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất mua có diện tích ngang 05 mét, dài 30 mét, tổng diện tích là 150 mét vuông. Nay ông bà vì lý do đi làm ăn xa nên ủy quyền lại cho ông Lê Thanh Đ, giải quyết mọi giấy tờ, thủ tục liên quan đến phần đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị Ngọc H5 và anh Trương Văn Đ trình bày: Tháng 3 năm 2001, bà và ông Đạt mua phần đất ngang 5m x 30m của ông Đ. Cuối năm 2001, vợ chồng bà cất nhà kiên cố xây tường,

mái tole, nền lát gạch bông trên diện tích 4 mét x 12 mét. Trong quá trình xây cất không có ai ngăn cản. Hiện nay, vợ chồng bà vẫn đang sinh sống trong căn nhà này nhưng chưa được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng đất vì gia đình bà đã cất nhà và sinh sống ổn định đến nay.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc yêu cầu ông Mai Thanh N, bà Lý Thị Thanh H trả lại diện tích đất 1.103,9m² tọa lạc tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc yêu cầu ông Lê Thanh Đ, bà Huỳnh Cẩm H2 trả lại diện tích đất là 1.992,1m² tọa lạc tại Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh C có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Minh C yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã G thụ lý theo thủ tục chung, nếu không chấp nhận hủy án thì yêu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn H trình bày: Về thủ tục tố tụng thì Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bởi vì bản án đưa 08 người là những người hiểu biết sự việc. Vậy những người này ở đâu, họ là ai, có đưa tham gia tố tụng, nhưng Bộ luật Tố tụng dân sự không có quy định người tham gia tố tụng là người hiểu biết sự việc và hồ sơ không có giấy triệu tập những người này. Về nội dung, ông H yêu cầu ông Đ, ông N là có căn cứ. Ông Nguyễn xác định mua đất của ông V diện tích trên 2000m² giá 25.000 đồng, nhưng lời khai ông Nguyễn khi tham gia tố tụng trong vụ kiện hành chính trước đây lại xác định mua đất ông V 1000m² giá 20.000 đồng. Như vậy, có hay không việc mua bán đất, lời khai ông Nguyễn trước sau bất nhất. Bản án sơ thẩm nhận định căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, nhưng không có giấy tờ nào xác định Ủy ban nhân dân xã P thời điểm đó giao đất cho người khác, vì tại phiên tòa ông T là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Láng Tròn xác định không có lưu văn bản nào về thu hồi và giao đất thời điểm đó. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền thu hồi đất, nên nhận định của Bản án sơ thẩm là không thuyết phục. Việc Ủy ban xã P lấy đất ông H giao cho người khác vào năm 1986 là không đúng quy định pháp luật. Phần đất tranh chấp so với yêu cầu khởi kiện của ông H thì diện tích ít hơn, vậy phần đất còn lại là ở đâu. Do đó, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xem xét giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Văn V tham gia tố tụng làm ảnh hưởng quyền lợi của đương sự. Các phần đất đo đạc xác định giáp ranh không thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp trong hạn luật định, nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trương Thanh B, bà Trần Thị H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng; nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn ông H và người đại diện theo ủy quyền là ông C xác định phần đất tranh chấp do ông H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Sinh, bà Năm với diện tích 3.600m², trên đất có căn nhà cây lá địa phương, ông sử dụng căn nhà này từ năm 1977 đến năm 1979 thì Ủy ban nhân dân xã P thành lập Tập đoàn 2 đưa phần đất của ông vào Tập đoàn. Cuối năm 1984, Tập đoàn 2 giải thể trả lại đất cho người dân, năm 1985 ông quản lý phần đất này, năm 1986 Ủy ban nhân dân xã lấy toàn bộ đất của ông chia cho các hộ dân, phần đất của ông thì ông Trương Thanh B chiếm sử dụng diện tích 2.300m², ông Mai Thanh N chiếm sử dụng diện tích 1.300m². Ông khiếu nại thì Ủy ban nhân dân xã mới lấy phần đất của ông Mã Mậu Chung giao cho ông sản xuất trồng lúa.

[3.2] Bị đơn ông Mai Thanh N xác định phần đất ông đang quản lý, sử dụng do ông nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn V vào tháng 3 năm 1986,

có ông Trần Hoàng A chứng kiến ông giao tiền cho ông V. Năm 1987 ông cất nhà cây lá địa phương, năm 2008 cất nhà kiên cố đều không có ai ngăn cản.

[3.3] Bị đơn ông Lê Thanh Đ xác định phần đất tranh chấp ông sang của ông Trương Thanh B năm 1985, giá 100 gia lúa là để trả hoa lợi, vì thời điểm đó nhà nước cấm không cho sang bán đất đai. Năm 1986, ông cất nhà cây lá địa phương, năm 2013 ông cất nhà kiên cố không ai ngăn cản. Trong phần đất nhận chuyển nhượng của ông Bạch ông đã chuyển nhượng cho ông Văn Thanh M và ông Trương Văn Đ mỗi người ngang 5m dài 30m.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Phần đất tranh chấp ông H yêu cầu vợ chồng ông N, bà Thanh H giao trả phần đất theo kết quả đo đạc thực tế ngày 03/02/2021 có diện tích 1.103,9m² thuộc thửa số 73, 74, tờ bản đồ số 28, trong đó thửa 73 được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N bà Thanh Hường ngày 04/01/2018, còn thửa 74 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Đồng thời yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Cẩm H giao trả phần đất theo kết quả đo đạc thực tế ngày 03/02/2021 có diện tích 1.992,1m², thuộc thửa 81, 82, 92, 93, tờ bản đồ số 28, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Cả hai phần đất đều tọa lạc tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Trên phần đất tranh chấp có căn nhà kiên cố của vợ chồng ông N, bà Thanh H và căn nhà của ông Đ, bà Cẩm H, các công trình khác và nhiều cây ăn trái đã lâu năm.

[4.2] Ông H và người đại diện theo ủy quyền xác định phần đất tranh chấp năm 1979 nhà nước đưa vào Tập Đoàn 2, năm 1984 Tập Đoàn 2 giải thể trả lại phần đất cho ông H, nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh sau khi Tập Đoàn 2 giải thể nhà nước giao trả lại phần đất cho ông như lời trình bày. Ngoài ra, ông H còn xác định năm 1986 Ủy ban nhân dân xã và cán bộ của huyện lấy phần đất của ông chia cho ông Trương Thanh B và ông Mai Thanh N. Điều đó có căn cứ xác định phần đất của ông H đã được nhà nước đưa vào Tập Đoàn 2 sản xuất nông nghiệp và sau đó đã trang trải cho ông B và ông V; còn ông H nhận phần đất của ông Mã Mậu C để sản xuất trồng lúa theo chủ trương cải cách ruộng đất của nhà nước.

[4.3] Theo kết quả xác minh ông Trương Thanh B, ông Nguyễn Văn Bé, ông Vương Trung T, bà Huỳnh Thị K, ông Trần Hoàng A, ông Mai Thanh B, ông Ngô Hoàng D, Mai Chí T là những người công tác tại địa phương và ở gần phần đất tranh chấp đều xác định năm 1984 – 1985 thực hiện chủ trương của nhà nước về xây dựng nông thôn mới, quy hoạch cấp đất cho những hộ không có đất ở, nhà ở, cấp đường đê vào Phong T, giải quyết hoán đổi đất của Tập Đoàn, phần đất của ông H sau đó được cấp cho ông Trương Thanh B và ông Huỳnh Văn V, sau này ông B chuyển nhượng cho ông Đ, còn ông V chuyển nhượng cho ông N, phần ông H nhận đất của ông Mã Mậu C. Xét thấy, lời trình bày của những người làm chứng từng công tác tại địa phương và sống lân cận phần đất tranh chấp phù hợp với lời trình bày của bị đơn ông N và ông Đ, nên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp kể từ sau khi Tập Đoàn 2 giải thể năm 1985 thì

phần đất này không còn thuộc quyền sử dụng của ông H, nhà nước đã trang trải phần đất này cho ông B và ông V. Việc ông C là người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày cho rằng năm 1985 khi Tập Đoàn 2 giải thể phần đất này được trả lại cho ông H, phần đất này do ông B và ông N chiếm sử dụng, nhưng ông H và ông C không có chứng cứ chứng minh; nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

[4.4] Quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất: Phần đất tranh chấp từ năm 1985 đến nay ông H không có quản lý, sử dụng, không có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Thực tế, phần đất tranh chấp do gia ông N và gia đình ông Đ quản lý, sử dụng đến nay đã gần 40 năm, quá trình sử dụng đất gia đình ông N, ông Đ đã sửa chữa nhà nhiều lần và xây dựng nhà kiên cố, trồng cây ăn trái, nhưng ông H không có ngăn cản.

[5] Xét thấy, pháp luật đất đai qua các thời kỳ đều không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai trước đây... Cụ thể, khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”.

[6] Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông H, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H. Có cơ sở chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Trương Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh C là người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc yêu cầu ông Mai Thanh N, bà Lý Thị Thanh H trả lại diện tích đất 1.103,9m² tọa lạc tại Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc yêu cầu ông Lê Thanh Đ, bà Huỳnh Cẩm H2 trả lại diện tích đất là 1.992,1m² tọa lạc tại Khóm 2, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp 5.719.880 đồng, ông Trương Văn H phải chịu, ông H đã nộp và chi hết.

3. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn H phải nộp 300.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010650 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Văn H phải nộp 300.000 đồng, ông Lê Minh C đã nộp thay ông H 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004547 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tx. G;
- CCTHADS Tx. G;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng